**– Tiết PPCT 67,68 Ngày soạn: 02/05/2025**

# BÀI 35: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

# (Thời gian thực hiện: 2 tiết)

# I. MỤC TIÊU

###  1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có.

- Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế địa phương dựa vào việc sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,...

- Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu,...

#  2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong hoạt động nhóm; đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân.

+ Giao tiếp và hợp tác: biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người; đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.

– Năng lực đặc thù:

+ Tìm hiểu địa lí: khai thác thông tin trên sách báo, internet,... để tìm hiểu địa lí địa phương.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng lí thuyết đã học về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư và địa lí kinh tế – xã hội để tìm hiểu các vấn đề tại địa phương.

#  3. Phẩm chất:

# - Chăm chỉ: tích cực tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

- Trách nhiệm: Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động giữ gìn, phát huy các giá trị kinh tế, văn hoá tại địa phương.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

###  1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bản đồ tự nhiên tỉnh Quảng Nam.

- Bản đồ hành chính tỉnh Quảng Nam.

- Bản đồ dân cư tỉnh Quảng Nam.

- Bản đồ kinh tế tỉnh Quảng Nam.

- Tài liệu Giáo dục địa phương.

 **2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

 **A. Ổn định lớp**

 **B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS, kết nối kiến thức đã học với bài mới.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Để đưa tỉnh của chúng ta phát triển nhanh chóng, cần hiểu biết sâu sắc về điều kiện phát triển của địa phương. Vậy, chúng ta cần tìm hiểu những nội dung nào?*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh. (Để đưa tỉnh của chúng ta phát triển nhanh chóng, cần hiểu biết sâu sắc về nguồn lực phát triển: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp động não.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Để đưa tỉnh của chúng ta phát triển nhanh chóng, cần hiểu biết sâu sắc về điều kiện phát triển của địa phương. Vậy, chúng ta cần tìm hiểu những nội dung nào?*

– Bước 2: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

– Bước 3: GV mời đại diện một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV kết luận. GV nhận xét, khen ngợi tinh thần học tập của HS và kết nối vào bài mới.

### 2. Hoạt động 2: Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có.

- Phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế địa phương dựa vào việc sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,...

- Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu,...

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS: Viết báo cáo:

*- Tìm hiểu địa lí địa phương theo các chủ đề.*

*- Viết báo cáo giới thiệu Địa lí địa phương theo một số chủ đề.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Chủ đề 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ**Tỉnh Quảng Nam nằm ở miền Trung Việt Nam, thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa và quốc phòng.**Vị trí địa lí**Quảng Nam nằm trong khoảng từ 14°54′ đến 16°13′ vĩ độ Bắc và từ 107°03′ đến 108°45′ kinh độ Đông .  **Phạm vi lãnh thổ*** **Phía Bắc**: Giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.
* **Phía Nam**: Giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum.
* **Phía Tây**: Giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
* **Phía Đông**: Giáp Biển Đông.
* Tỉnh có diện tích tự nhiên khoảng 10.574,74 km² , đứng thứ 6 cả nước về diện tích. Đặc biệt, Quảng Nam là tỉnh duy nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ vừa giáp biển, vừa giáp biên giới quốc tế với Lào, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu trong nước và quốc tế .
* **Địa hình**

Địa hình Quảng Nam đa dạng, chia thành ba vùng rõ rệt: **Miền núi phía Tây**: Chiếm khoảng 72% diện tích, với nhiều dãy núi cao như Ngọc Linh (2.598 m), là đỉnh cao nhất dãy Trường Sơn .* **Trung du**: Nằm giữa miền núi và đồng bằng, có địa hình đồi núi thấp.
* **Đồng bằng ven biển phía Đông**: Gồm các dải cát ven biển và vùng đất thấp, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và du lịch.
* **Hành chính**

Quảng Nam hiện có 18 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: **2 thành phố**: Tam Kỳ (tỉnh lỵ) và Hội An.* **1 thị xã**: Điện Bàn.
* **15 huyện**: Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Núi Thành, Phú Ninh, Nông Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, và Phước Sơn

Với vị trí địa lý chiến lược và địa hình đa dạng, Quảng Nam đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa và quốc phòng của khu vực miền Trung Việt Nam.**Vị trí địa lý chiến lược*** **Trung tâm kết nối Bắc – Nam**: Quảng Nam nằm ở trung độ của cả nước, cách Hà Nội khoảng 820 km và TP. Hồ Chí Minh khoảng 900 km theo Quốc lộ 1A, thuận lợi cho giao thương và phát triển logistics.
* **Giao thoa biển – biên giới**: Là tỉnh duy nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ vừa giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 125 km, vừa giáp Lào với đường biên giới dài 168 km, tạo điều kiện phát triển kinh tế biển và kinh tế cửa khẩu.
* **Liên kết vùng kinh tế trọng điểm**: Quảng Nam thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kết nối chặt chẽ với Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực. **🏞️ Địa hình đa dạng, tài nguyên phong phú**
* **Địa hình phân tầng**: Từ núi cao phía Tây (chiếm 72% diện tích) đến đồng bằng ven biển phía Đông, tạo điều kiện phát triển nông – lâm – ngư nghiệp đa dạng.
* **Tài nguyên thiên nhiên**: Sông ngòi dày đặc như hệ thống sông Vu Gia – Thu Bồn, bãi biển đẹp như Cửa Đại, Tam Thanh, và khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, thuận lợi cho du lịch và khai thác tài nguyên biển.

**Giá trị lịch sử – văn hóa đặc sắc*** **Di sản thế giới**: Quảng Nam sở hữu hai di sản văn hóa thế giới là Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, thu hút du khách trong và ngoài nước.
* **Lịch sử hào hùng**: Là vùng đất địa linh nhân kiệt, Quảng Nam đã đóng vai trò quan trọng trong lịch sử mở cõi về phương Nam của Đại Việt và trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.
* **Tiềm năng phát triển kinh tế – xã hội**
* **Khu kinh tế mở Chu Lai**: Là khu kinh tế ven biển đầu tiên của Việt Nam, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực theo thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.
* **Phát triển du lịch**: Với cảnh quan thiên nhiên đa dạng và di sản văn hóa phong phú, Quảng Nam có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch sinh thái, văn hóa và biển đảo

Với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa, Quảng Nam đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và quốc phòng của khu vực miền Trung và cả nước.**Chủ đề 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**Tỉnh Quảng Nam sở hữu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp, du lịch và bảo tồn sinh thái. Dưới đây là những đặc điểm nổi bật: **Địa hình và khí hậu*** **Địa hình**: Quảng Nam có địa hình nghiêng dần từ tây sang đông, chia thành ba vùng sinh thái rõ rệt: vùng núi cao phía tây (chiếm khoảng 72% diện tích), vùng trung du và vùng đồng bằng ven biển. Địa hình đa dạng này tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông – lâm – ngư nghiệp và du lịch sinh thái.
* **Khí hậu**: Tỉnh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 12 và mùa khô từ tháng 2 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25,6°C, lượng mưa trung bình hàng năm từ 2.000 đến 2.500 mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa., Thu đông.

**Tài nguyên nước và biển*** **Sông ngòi**: Hệ thống sông ngòi phong phú với hai lưu vực chính là sông Vu Gia – Thu Bồn và sông Tam Kỳ, cung cấp nguồn nước dồi dào cho sinh hoạt, nông nghiệp và công nghiệp. **Biển và hải đảo**: Với đường bờ biển dài 125 km và vùng thềm lục địa rộng lớn, Quảng Nam có nguồn tài nguyên biển phong phú, thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, du lịch và nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt, quần đảo Cù Lao Chàm được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới với hệ sinh thái biển đa dạng.

 **Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học*** **Rừng**: Tỉnh có diện tích rừng lớn, khoảng 498.497 ha, chiếm gần 49,5% diện tích tự nhiên, với nhiều khu rừng nguyên sinh và khu bảo tồn thiên nhiên như khu bảo tồn sao la ở sông Thanh và rừng Pơ mu ở Tây Giang.
* **Đa dạng sinh học**: Quảng Nam là nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật quý hiếm, trong đó có 6 loài thực vật bị đe dọa toàn cầu và nhiều loài động vật quý như voi, hổ, sao la. Vùng biển có hơn 500 loài cá, trong đó 30% là cá nổi, cùng nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao như tôm, mực, cá mú.

 **Tài nguyên đất và khoáng sản*** **Đất đai**: Quảng Nam có 9 loại đất khác nhau, bao gồm đất phù sa ven sông, đất đỏ vàng vùng đồi núi, đất cát ven biển, phù hợp cho phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
* **Khoáng sản**: Tỉnh có tiềm năng về khoáng sản như vàng, sắt, titan, cát trắng và đá xây dựng, phân bố chủ yếu ở các huyện miền núi phía tây.

Với điều kiện tự nhiên đa dạng và tài nguyên phong phú, Quảng Nam có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế – xã hội bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp, du lịch sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học. **Chủ đề 3: Dân cư và xã hội** Tính đến ngày 1/4/2024, dân số tỉnh Quảng Nam đạt 1.539.468 người, đứng thứ 21 cả nước về quy mô dân số . Mật độ dân số trung bình khoảng 139 người/km², thấp hơn mức trung bình toàn quốc, phản ánh sự phân bố dân cư không đồng đều giữa các vùng miền trong tỉnh .  **Cơ cấu dân cư*** **Dân tộc**: Quảng Nam là tỉnh đa dân tộc với hơn 10 thành phần dân tộc sinh sống. Người Kinh chiếm đa số, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và ven biển. Các dân tộc thiểu số như Cơ Tu, Xê Đăng, Giẻ Triêng, Cor, Hoa... sinh sống chủ yếu ở các huyện miền núi phía tây như Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My và Nam Trà My .
* **Cơ cấu độ tuổi**: Quảng Nam đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động (15–64 tuổi) chiếm khoảng 60% dân số, tương đương gần 900.000 người . Tỷ lệ phụ thuộc chung là 48%, cho thấy lực lượng lao động dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội .
* **Phân bố dân cư**
* **Vùng đồng bằng và ven biển**: Khu vực này có mật độ dân cư cao, tập trung tại các thành phố Tam Kỳ, Hội An, thị xã Điện Bàn và các huyện Thăng Bình, Duy Xuyên, Đại Lộc. Đây là các trung tâm kinh tế, hành chính và du lịch của tỉnh.
* **Vùng trung du và miền núi**: Dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh đã triển khai chương trình sắp xếp, ổn định dân cư miền núi giai đoạn 2021–2025, với hơn 2.000 hộ dân được hỗ trợ di dời, tái định cư nhằm cải thiện điều kiện sống và phát triển kinh tế – xã hội vùng cao .
* **Đời sống xã hội**
* **Giáo dục**: Quảng Nam có hệ thống giáo dục từ mầm non đến đại học, với các trường đại học và cao đẳng như Đại học Quảng Nam, Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Quảng Nam, đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.
* **Y tế**: Mạng lưới y tế được củng cố với các bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện chuyên khoa và trung tâm y tế huyện, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người dân.
* **An sinh xã hội**: Tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

 **Lao động và việc làm**Với lực lượng lao động trẻ, dồi dào, Quảng Nam tập trung phát triển các khu công nghiệp như Khu kinh tế mở Chu Lai, thu hút đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và du lịch, tạo nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương.  **Chủ đề 4: Kinh tế** Năm 2024, kinh tế tỉnh Quảng Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn suy giảm năm 2023, với nhiều chỉ số tăng trưởng ấn tượng và cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực.**Tăng trưởng kinh tế*** **GRDP**: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 ước tăng 7,1%, vượt lên từ mức giảm 8,37% của năm 2023.
* **Quy mô nền kinh tế**: Đạt gần 129.000 tỷ đồng, tăng khoảng 16.500 tỷ đồng so với năm trước.
* **GRDP bình quân đầu người**: Hơn 84 triệu đồng, tăng 10 triệu đồng so với năm 2023.

**Cơ cấu kinh tế**Công nghiệp và xây dựng: Sản xuất công nghiệp tăng trưởng 13,5%, xây dựng tăng 12,4%, đóng vai trò quan trọng trong phục hồi kinh tế Công nghiệp – Xây dựng* **Tăng trưởng mạnh mẽ**: Năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tăng 17,6% so với năm trước, đảo ngược xu hướng giảm 21,8% của năm 2023.
* **Ngành chế biến, chế tạo**: Tăng 20%, đóng vai trò động lực chính cho tăng trưởng công nghiệp.
* **Ngành khai khoáng**: Tăng 14,3%, đóng góp đáng kể vào sản lượng công nghiệp.
* **Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí**: Giảm 3,2% so với cùng kỳ
* **Ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải**: Tăng 7,8% so với cùng kỳ.
* **Sản phẩm chủ lực**: Giày dép thể thao, vải dệt thoi, thùng hộp bìa cứng, nước tinh khiết, đá xây dựng.
* **Dịch vụ và du lịch**: Tổng lượt khách tham quan, lưu trú đạt hơn 8 triệu lượt, tăng 14% so với cùng kỳ; doanh thu từ du lịch ước đạt 9.200 tỷ đồng, tăng 19%.
* **Du lịch phục hồi mạnh mẽ**: Năm 2024, Quảng Nam đón hơn 8 triệu lượt khách, tăng 14% so với năm trước, vượt 6% so với kế hoạch.
* **Doanh thu du lịch**: Ước đạt 9.200 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ
* **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**: Ước đạt gần 72,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2023.
* **Dịch vụ lữ hành**: Tăng trưởng cao nhất với 55,4%.
* **Dịch vụ lưu trú, ăn uống**: Tăng 11,8%.
* **Nông, lâm, thủy sản**: Tỷ trọng có xu hướng giảm trong cơ cấu kinh tế, phản ánh sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và dịch vụ hóa. **Tổng giá trị sản xuất**: Ước đạt 16.235,6 tỷ đồng, tăng 3,3% so với năm 2023.
* **Nông nghiệp**: Đạt 9.775,6 tỷ đồng, tăng 4,03%.
* **Lâm nghiệp**: Đạt 1.924,3 tỷ đồng, tăng 5,14%.
* **Thủy sản**: Đạt 4.535,7 tỷ đồng, tăng 1,01%.
* **Định hướng phát triển**: Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh.

**Tài chính công*** **Thu ngân sách nhà nước**: Đạt gần 27.600 tỷ đồng, bằng 116,92% dự toán và tăng 10,09% so với năm trước.
* **Chi ngân sách**: Ước đạt 20.690 tỷ đồng, đạt 96% dự toán.

 **Đầu tư và hạ tầng*** **Đầu tư công**: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt hơn 35.881 tỷ đồng, tăng 390 tỷ đồng so với năm 2023.
* **Giải ngân vốn đầu tư công**: Tính đến ngày 30/9, đạt 41,4%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 (44,6%).

**Định hướng năm 2025**Tỉnh Quảng Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP từ 9,5% đến 10% trong năm 2025, tập trung vào các lĩnh vực như công nghiệp, du lịch, chuyển đổi số và cải cách hành chính.   |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành 8 nhóm và giao nhiệm vụ:

Nhóm 1 + 2: Chủ đề 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.

Nhóm 3 + 4: Chủ đề 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

Nhóm 5 + 6: Chủ đề 3: Dân cư và xã hội.

Nhóm 7 + 8: Chủ đề 4: Kinh tế.

GV yêu cầu HS thu thập được tài liệu, tranh ảnh, bản đồ,... để viết và trình bày báo cáo về các chủ đề theo yêu cầu.

– Bước 2: HS thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nhóm: …………………….. Lớp:………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đạt được |
| Nội dung | Đầy đủ, chi tiết | 2 |  |
| Trả lời được câu hỏi của các nhóm | 2 |  |
| Hình thức | Hình ảnh, bản đồ, bố cục… khoa học, hấp dẫn | 3 |  |
| Thuyết trình | Tự tin, nói to, rõ ràng, lưu loát | 1.5 |  |
| Sáng tạo, độc đáo | 1.5 |  |

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực nhận thức, vận dụng kiến thức địa lí để mở rộng, vận dụng vào thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Tỉnh Quảng Nam có điều kiện thuận lợi để phát triển những ngành công nghiệp nào? Tại sao?*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Tỉnh Quảng Nam sở hữu nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các ngành công nghiệp, từ công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghiệp hỗ trợ đến công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp dược liệu. Dưới đây là các ngành công nghiệp nổi bật mà Quảng Nam có lợi thế phát triển**1. Công nghiệp cơ khí – ô tô và công nghiệp hỗ trợ**Quảng Nam đã hình thành Tổ hợp Khu công nghiệp cơ khí và ô tô Chu Lai – Trường Hải, với 31 dự án từ sản xuất linh kiện đến lắp ráp ô tô nguyên chiếc. Tỉnh cũng thu hút nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ như sản xuất phụ tùng ô tô, linh kiện điện tử, nguyên phụ liệu ngành dệt may và da giày. Hạ tầng giao thông đồng bộ và vị trí gần cảng biển, sân bay giúp ngành này phát triển mạnh mẽ. **2. Dệt may, da giày và công nghiệp nhẹ**Khu công nghiệp Tam Thăng đã thu hút 27 dự án dệt may, trong đó có nhiều nhà đầu tư nước ngoài như Hyosung, Panko, Oriental Commerce Vina. Ngành da giày và may mặc tiếp tục tăng trưởng, đóng góp lớn vào xuất khẩu và tạo việc làm cho lao động địa phương. **3. Công nghiệp công nghệ cao và bán dẫn**Với hạ tầng khu công nghiệp hiện đại, dịch vụ phụ trợ và viễn thông phát triển, Quảng Nam có tiềm năng tham gia vào ngành công nghiệp bán dẫn. Tỉnh có khả năng vận chuyển đất hiếm từ các địa phương phía Bắc để phục vụ cho ngành chip bán dẫn tại địa phương4. **Công nghiệp dược liệu và chế biến sâu**Quảng Nam đặt mục tiêu trở thành trung tâm công nghiệp dược liệu của cả nước, với sâm Ngọc Linh là cây chủ lực. Tỉnh đang phát triển đồng bộ vùng nguyên liệu, hệ thống chế biến, sản xuất và nghiên cứu khoa học để thúc đẩy ngành công nghiệp dược liệu**5. Công nghiệp vật liệu xây dựng**Quảng Nam giàu tài nguyên khoáng sản như đá xây dựng, đá vôi xi măng, cát trắng, cao lanh. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh đã phát triển mạnh mẽ, với các sản phẩm đa dạng như xi măng, vật liệu xây nung và không nung, bê tông, cát, đá xây dựng. 6.**Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống**Tỉnh có nhiều làng nghề truyền thống như làng mộc Kim Bồng, làng gốm Thanh Hà, làng dệt lụa Mã Châu. Các làng nghề này không chỉ bảo tồn giá trị văn hóa mà còn phát triển du lịch và tạo việc làm cho người dân địa phương.  **Phân vùng phát triển công nghiệp*** **Vùng Đông Nam**: Tập trung phát triển công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô, công nghiệp chế biến, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường.
* **Vùng Tây (trung du, miền núi)**: Phát triển các cụm công nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ sở chế biến nông lâm sản, dược liệu; khôi phục và phát triển hệ thống các làng nghề truyền thống gắn với du lịch.
* **Vùng Đông Bắc**: Phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp chế biến lương thực trong Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các cụm công nghiệp; đầu tư phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống gắn với phục vụ phát triển du lịch.
 |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Tỉnh Gia Lai có điều kiện thuận lợi để phát triển những ngành công nghiệp nào? Tại sao?*

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời, các HS khác nhận xét, góp ý.

– Bước 4: GV kết luận.

**C. Hướng dẫn về nhà**

Hoàn thành bài thực hành.